

Sử dụng vài chương trình nén file

Các chương trình nén file

Khi cần lưu trữ hay di chuyển file, người ta hay nén file lại vì ngoài việc giảm dung lượng file (tức là tăng dung lượng chứa) nó còn làm giảm thời gian xử lý file (copy, move, truyền qua mạng...). Nghĩa là lợi được cả 2 mặt, không như nén đĩa bạn chỉ lợi về dung lượng nhưng lại thiệt hại về thời gian xử lý. Nhược điểm duy nhất của nén file so với nén đĩa là bạn không thể sử dụng được file đã nén như bình thường, nhưng trong khi lưu hay di chuyển thì nhược điểm này có thể bỏ qua.

Có rất nhiều chương trình nén file được phổ biến trên thị trường. Trong đó chúng ta có thể phân làm 2 loại:

- Các chương trình nén chuyên nghiệp: Các chương trình này có tỉ lệ nén rất cao nhưng tốc độ xử lý file lại tùy theo tỉ lệ nén (nén càng nhỏ thời gian càng chậm).

Chúng được phổ biến rộng rãi nhất trên các hệ thống mạng ở nước ngoài và cũng được đón tiếp nồng nhiệt tại TP. Tiêu biểu cho loại này là: Pkzip, Lha, Arj...

- Các chương trình nén của các hãng phát hành phần mềm: Các chương trình này có tỉ lệ nén khiêm nhường hơn nhưng tốc độ lại rất nhanh. Chúng chủ yếu dùng để nén file chứa trên bộ đĩa cài đặt gốc nhằm giảm số lượng đĩa mềm khi phân phối. Có chương trình do chính hãng phát hành viết, thí dụ như Microsoft dùng trình Compress (nén) và Expand hay Decompress (giải nén) cho tất cả các phần mềm của mình (tính cho đến nay). Có chương trình do các hãng phát hành sửa đổi lại từ chương trình nén chuyên nghiệp (đĩ nhiên là đã trả tiền và được phép của tác giả). Các chương trình này có nhiều hạn chế khi sử dụng riêng lẻ (thậm chí không thể tách riêng ra được).

Trong phần này chúng tôi chỉ bàn về các chương trình nén file chuyên nghiệp thông dụng và hướng dẫn cách kết hợp chúng vào NC 5.0 để dễ thao tác.

A/ PKZIP:

Đây là chương trình được đánh giá mạnh nhất trong các chương trình nén file. Để sử dụng đầy đủ các chức năng chính, các bạn cần có 4 file:

Pkzip.exe : Dùng để nén file.

Pkunzip.exe : Dùng để giải nén File.

Zip2exe.exe : Dùng để tạo file nén tự bung (giải nén).

1. Pkzip:

Là chương trình dùng để nén file. Dòng lệnh tổng quát:

```
pkzip [địa chỉ và tên file nén] [thông số] [địa chỉ và tên file muốn xử lý]
```

Thí dụ: pkzip test.zip -d license.doc

Các thông số thường dùng nhất khi sử dụng là:

a) [- b] : Chỉ định địa chỉ chứa file tạm

Khi cộng thêm file vào file nén đã có, chương trình đầu tiên sẽ tạo một file tạm cùng địa chỉ với file gốc, sau đó mới sửa chữa chính thức file gốc và xóa file tạm.

Như vậy đòi hỏi không gian tại địa chỉ này phải còn trống một dung lượng bằng file nén + file cần cộng thêm. Điều này làm hạn chế việc cộng thêm file trên đĩa mềm hay khi địa chỉ gốc còn trống ít hơn yêu cầu. Thông số này dùng chỉ định một ổ đĩa khác để chứa file tạm trong khi xử lý nhằm khắc phục hạn chế đã nói.

Dòng lệnh thí dụ:

A:>pkzip test.zip -bc: order.doc

C:>pkzip wp.zip -bz:\public wp51*.*

b) [-d] : Xoá file con chứa trong file nén đã có

pkzip test.zip -d license.doc

Bạn có thể xóa nhiều file cùng lúc bằng dòng lệnh như sau:

pkzip july.zip -d file1.wk file2.wk1 ... filen.xxx

c) [-e[xlnfls]] :Chỉ định tỉ lệ nén

-ex nén tối đa (tỉ lệ nén cao nhất, thời gian nén chậm nhất).

-en Nén bình thường (dung hoà giữa tỉ lệ nén và thời gian nén)

-ef Nén nhanh (ưu tiên cho thời gian nén nhanh)

-es Nén cực nhanh (tỉ lệ nén thấp nhất, thời gian nén nhanh nhất)

-e0 Không nén (chỉ chứa vào file nén)

Thí dụ: pkzip -ex test.zip d:\wp51*.wp

d) [-j] hay [-J] : Gỡ bỏ hay không các thuộc tính file khi nén.

Mặc nhiên khi nén file, pkzip giữ nguyên các thuộc tính file gốc (Jhrs). Nếu bạn muốn gỡ bỏ các thuộc tính khi nén, bạn chọn thông số jhrs (h: ẩn, r: chỉ đọc, s: hệ thống).

Thí dụ: pkzip markie.zip -Jhs c:\uti*.*

e) [-m]: Di chuyển file vào file nén

Bình thường pkzip giữ nguyên bản gốc khi bạn nén file, khi có thông số này pkzip sẽ xoá file gốc sau khi nén xong.

f) [-rp] : Lưu đầy đủ cấu trúc cây thư mục khi nén file

Mặc nhiên pkzip không lưu thư mục con khi nén file. Thí dụ: Bạn cho nén một thư mục có các thư mục con, pkzip sẽ nén toàn bộ file kể cả các file trong thư mục con vào cùng 1 địa chỉ chứ không phân biệt file nào thuộc về thư mục con nào. Khi có thông số này pkzip sẽ lưu đầy đủ cấu trúc cây thư mục khi nén file để khi giải nén sẽ phục hồi lại được như nguyên gốc.

Thí dụ: pkzip mail2.zip -rp c:\mymail*.*

g) [-s[password]] : Chỉ định mật khẩu khi nén file

Khi bạn dùng thông số này, bạn phải đánh mật khẩu chỉ định liền sau chữ s (không có dấu cách). Mật khẩu này được dùng mỗi khi muốn giải nén file, nó có giá trị kể cả khi bạn giải nén bằng các chương trình tương thích như Nczip. Nếu bạn quên mật khẩu bạn sẽ không thể giải nén file được nữa.

h) [-w] hay [-W] : Bỏ qua hay bao gồm file ẩn, Hệ thống khi nén

Mặc nhiên pkzip sẽ loại trừ các file ẩn, hệ thống (-Whs) khi nén. Nếu bạn muốn

nén luôn các file này, bạn chọn -whs.

Thí dụ: `pkzip all.zip -whs a:*.*`

i) [-x] : Chỉ định các file cần loại trừ khi nén

Bạn có thể chỉ định một file hay nhiều file cùng lúc. Thí dụ:

`pkzip test3.zip *.* -xcommand.com -xautoexec.* -xconfig.*`

Lưu ý: Giữa thông số -x và tên file không được có dấu cách và trước mỗi tên file đều phải có -x.

j) [-&] : Tạo file nén có dung lượng lớn chứa trên nhiều đĩa mềm

Thông số này dùng khi bạn cần backup ổ đĩa, nhánh thư mục, thư mục hay file có kích thước lớn hơn dung lượng đĩa mềm.

Các thông số kèm theo:

f: Cho format nhanh đĩa đích.

u: Cho format triệt để đĩa đích.

v: Cho kiểm tra dữ liệu sau khi chép lên đĩa (verify on).

s: Nén toàn bộ ổ đĩa hiện hành kể cả thư mục con.

Thí dụ:

`pkzip a:zipfile -&u -rp` Nén tất cả các file trong thư mục hiện hành, kể cả thư mục con lên ổ A: và format nhanh mỗi đĩa.

`C:\>pkzip b:zipfile -&s d:\sd*.*` Nén tất cả file trên ổ C: (ổ đĩa hiện hành) và tất cả các file trong thư mục sd trên ổ đĩa D: lên ổ đĩa B:.

Chú ý: Khi bạn nén file lên nhiều đĩa mềm với các thông số -&, -rp...Pkzip sẽ lưu thông tin về đĩa trên đĩa mềm backup cuối cùng. Do đó khi bung bạn phải đưa đĩa mềm cuối cùng vào trước để pkunzip ghi nhận các thông tin này, sau đó mới bắt đầu bung theo thứ tự đĩa.

2. Pkunzip:

Là chương trình dùng để giải nén file. Dòng lệnh tổng quát:

`pkunzip [thông số] [địa chỉ và tên file nén] [địa chỉ đích]`

a) [-d] : Phục hồi cấu trúc cây thư mục đã được lưu khi nén với thông số -rp.

Thí dụ: `pkunzip -d a:stuff c:`

b) [-j] hay [-J] : Cho loại trừ hay không các file con có thuộc tính h,r,s khi giải nén. Mặc nhiên pkunzip cho loại trừ những file con có các thuộc tính h, r, s khi tiến hành giải nén cho dù chúng có mặt trong file nén (-jhrrs). Nếu bạn muốn giải nén luôn cả các file này, bạn phải ghi thông số -Jhrs.

Thí dụ: `pkunzip stuff.zip -Jhrs`

c) [-p[a/b[#]] [c[#]]] : Giải nén đồng thời gửi ra máy in

Các thông số:

a: In với dạng thức Acsii (khi in file text).

b: In với dạng thức Binary (khi in file hình ảnh).

#: Khai báo số thứ tự cổng in (mặc nhiên là 1).

c: khi báo cổng in là cổng COM (mặc nhiên là cổng LPT).

Thí dụ:

pkunzip sesame.zip *.doc -p Giải nén các file .doc và in bằng cổng LPT1.
pkunzip graphix.zip *.eps -pbc2 Giải nén các file .eps và in theo kiểu Binary bằng cổng COM2.

pkunzip docs.zip -pa2 Giải nén và in theo kiểu Acsii bằng cổng LPT2.

d) [-s[password]]: Khai báo mật khẩu cho các file nén có chỉ định mật khẩu
Đối với các file khi nén có chỉ định mật khẩu thì khi giải nén bắt buộc phải có thông số này.

Thí dụ: pkunzip payroll.zip -sSecret *.dbf

3. Zip2exe:

Chương trình này dùng tạo file nén tự bung (giải nén). Đầu tiên bạn phi dùng pkzip tạo 1 file nén (có đuôi là zip), sau đó dùng zip2exe chuyển file nén đã tạo thành file nén tự bung (có đuôi là exe). Dòng lệnh tổng quát:

D:\>zip2exe test.zip Tạo file nén tự bung tên test.exe từ file nén tên test.zip.

Chú ý: Mỗi khi cần bung file nén tự bung, bạn chỉ cần cho chạy file này.

B/ ARJ:

Chương trình này dùng để nén và giải nén file. Ưu điểm là chỉ cần một file duy nhất cho nhiều chức năng nhưng tỉ lệ nén không cao bằng Pkzip.

Dòng lệnh tổng quát:

ARJ [- [-...]] [...]

a: Cộng file vào file nén

d: Xoá file trong file nén

e: Bung file con trong file nén

m: Di chuyển file vào file nén

n: Đổi tên file trong file nén

p: In file bằng cổng chuẩn

u: Cập nhật file trong file nén

y: Copy file nén với lựa chọn mới

x: Bung file và tạo lại cấu trúc cây thư mục

Chú ý: Mặc nhiên: Arj lưu đường dẫn khi nén nhưng không lưu tên ổ đĩa và thư mục gốc. Khi in sẽ dùng kiểu Binary. Nén theo kiểu 1 (tỉ lệ nén tối đa).

r: Phục hồi cấu trúc cây thư mục

u: Cập nhật file nén

v: Tạo file nén trên nhiều đĩa

a: và tự động xác định dung lượng đĩa mềm

m: Tỉ lệ nén 1, 2, 3, 4 (1: nhiều nhất, 4: ít nhất)

je: Tạo file nén tự bung

Thí dụ:

Cộng file và lưu địa chỉ : ARJ a -e archive *.*

Cộng 2 file vào file nén : ARJ a archive name1 name2

Cộng file với độ nén tối đa : ARJ a -m1 archive *.*
Bung file từ file nén : ARJ e archive
Bung file và phục hồi cây thư mục : ARJ x archive
Di chuyển file vào file nén : ARJ m archive *.doc
Di chuyển file trong file nén ra ngoài : ARJ e -d archive *.doc
Tạo file nén trên nhiều đĩa mềm : ARJ a -va a:archive *.*
Bung file nén trên nhiều đĩa mềm : ARJ x -va a:archive
Tạo file nén tự bung từ file nén đã có : ARJ y -je archive

C/LHA:

Chương trình này tương tự như Arj.

Dòng lệnh tổng quát:

LHA <địa chỉ và tên file nén[.LZH]> [địa chỉ và tên file thường].

a: Cộng files vào file nén

d: Xoá file trong file nén

e: Giải nén file

m: Di chuyển file

u: Cập nhật file nén

x: Giải nén file và phục hồi cấu trúc cây thư mục

s: Tạo files nén tự bung

<địa chỉ và tên file nén>

Tên file nén có thể là nguồn nếu dùng thông số e, d hay m. Có thể là đích nếu dùng thông số a, u hay m.

<địa chỉ và tên file thường>

Tên file thường có thể là đích (tên file đã giải nén) nếu dùng thông số e, d hay m.

Có thể là nguồn (file sẽ nén) nếu dùng thông số a, u hay m.

Thí dụ: LHA a word.lzh c:\temp\word.txt

Chú ý: Tên file nén không cần khai báo đuôi, Lha sẽ lấy mặc nhiên là .lzh. Muốn tạo file nén tự bung bắt buộc bạn phải tạo file nén trước.

Nhận xét:

3 chương trình này thực ra còn nhiều thông số chúng tôi không nêu ra vì không muốn làm các bạn rối trí. Chúng tôi chỉ chọn lọc những thông số thường dùng và cần thiết khi sử dụng.

Trong 3 chương trình nén file trên:

Pkzip có tỉ lệ nén cao nhất và được sử dụng nhiều nhất tuy hơi lỉnh kỉnh (nhiều file), vì nó có thể làm được nhiều việc hơn 2 chương trình kia. Bộ chương trình này thích hợp cho những người có kinh nghiệm.

Lha, Arj sử dụng đơn giản hơn, ít thông số, gọn, dòng lệnh ngắn nên thích hợp cho những người cần nhanh, ít kinh nghiệm.

D/ Kết hợp các chương trình nén file vào NC 5.0:

Có một cách sử dụng nhanh gọn các chương trình nén bất kỳ được NC5 hỗ trợ là kết hợp chúng vào dòng lệnh liên kết trong NC5. Sau khi kết hợp bạn sử dụng chúng như 1 thành phần của NC5 hoàn toàn giống như khi sử dụng nczip.

Cách kết hợp như sau:

Bước 1:

Chép tất cả các chương trình nén cần kết hợp vào thư mục NC5.

Bước 2:

Mở file Packer.set bổ sung các chỉ định cho các chương trình kết hợp.

Bước 3:

Khi muốn dùng chương trình nén nào, bạn chỉ cần bấm Alt+F5 hay Alt+F6 rồi chọn mục Select method, trong cửa sổ liệt kê bạn chọn tên chương trình rồi quay trở ra màn hình chính thao tác như khi sử dụng nczip.

Cách bổ sung cho file Packer.set:

ý nghĩa từng dòng chỉ định:

00: Tên mở rộng chỉ định cho file nén

01: Lệnh cộng file vào file nén

02: Lệnh cộng file và lưu cấu trúc cây thư mục vào file nén

03: Lệnh giải nén file trong file nén

04: Lệnh giải nén và phục hồi cấu trúc cây thư mục

05: Lệnh di chuyển file vào file nén (xoá file gốc)

06: Lệnh di chuyển file và lưu cấu trúc cây thư mục

07: Lệnh xoá file chứa trong file nén

08: Lệnh chọn tỉ lệ nén tốt nhất (dung hoà giữa tỉ lệ nén và thời gian nén)

09: Lệnh chọn tỉ lệ nén cao nhất

10: Lệnh chọn thời gian nén nhanh nhất

11:

12:

13:

14: Nếu chỉ định là 1, nội dung của file nén có thể view bằng phím F3.

Thí dụ:

:LHICE 1.a+

00:ICE

01:lhice u -am

02:lhice a -apm

03:lhice e -wm

04:lhice e -wm

05:lhice m -am

06:lhice m -am

07:lhice d -mm

08:

09:
10:
11:00
12:
13:11,4;1,0;6,0
14:1
:ZOO 2.1
00:ZOO
01:zoo -add
02:zoo -add
03:zoo -extract
04:zoo -extract
05:zoo -move
06:zoo -move
07:zoo -delete
08:
09:
10:
11:00
12:@
13:1;6
